

Bản án số: **04/2018/DS-ST**

Ngày: 04/01/2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Bích Ngọc**

2. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự về mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Út T**, sinh năm 1974 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T (DNTN T) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh H (Tài)**, sinh năm 1975 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Trương Út T – chủ DNTN T trình bày: DNTN T kinh doanh phân bón và thuốc trừ sâu, tính từ ngày 19/10/2015 vợ chồng ông H, bà L còn nợ cửa hàng 73.400.000đ, sau đó đến ngày 19/10/2016 thanh toán được một số tiền 25.000.000đ và còn nợ lại 48.400.000đ cho đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà L trả cho DNTN T số tiền là 48.400.000đ và tính lãi kể từ ngày 19/10/2016 cho đến ngày xét xử, mức lãi theo mức quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.

Theo lời khai của bị đơn ông Nguyễn Minh H: Ông H thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Trương Út T – chủ DNTN T. Ngày 19/10/2015 ông H có viết giấy cam kết nợ ông T – chủ DNTN T số tiền 73.400.000đ nhưng thực tế nợ gốc là 52.000.000đ, ông T cộng thêm lãi mới ra số nợ là 73.400.000đ, nhưng ông H không có chứng cứ để chứng minh việc kê thêm tiền lãi và mong Tòa án xem xét.

Nay ông H thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 27.000.000đ, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi vụ lúa 4.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với ý kiến của của chồng bà L là ông Nguyễn Minh H và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng bà L không có mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp “hợp đồng dân sự về mua bán” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét việc ông Trương Út T – Chủ DNTN T yêu cầu ông H, bà L trả số tiền còn nợ là 48.400.000đ, thấy rằng: Giữa DNTN T và ông H, bà L đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản là phân bón và thuốc trừ sâu, đến ngày 19/10/2015, ông H có viết tờ giấy xác nhận nợ DNTN T số tiền 73.400.000 đồng. Tại biên bản hòa giải nguyên đơn và ông H thống nhất ông H đã trả 25.000.000 đồng. Tuy ông H thừa nhận chỉ còn nợ ông Trương Út T – Chủ DNTN T số tiền gốc là 27.000.000đ vì thực tế ông nợ tiền gốc là 52.000.000 đồng, tờ cam kết ghi 73.400.000 đồng là do nguyên đơn đã kê thêm tiền lãi nhưng ông H hông có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, nguyên đơn cũng không thừa nhận việc kê thêm tiền lãi. Do đó buộc ông H, bà L liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 48.400.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự.

Điều 438 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả tiền:

1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; nếu không có thoả thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản.

2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[4] Xét yêu cầu của ông H về việc trả dần mỗi vụ lúa 4.000.000đ cho đến khi

nào hết số nợ 27.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận do ông T – chủ DNTN T không đồng ý, hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không có quy định về thời gian chậm trả nếu các đương sự không có thỏa thuận.

[5] Xét về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T – chủ DNTN T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 19/10/2016 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 04/01/2018 với mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0.75%/tháng), lãi quá hạn bằng 150% lãi cơ bản nên số tiền lãi cụ thể được tính như sau: $(48.400.000đ \times 14 \text{ tháng} \times 1,125\%/tháng) + (48.400.000đ \times 1.125\% : 30 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày}) = 7.913.400đ$. Vì vậy số tiền lãi ông H, bà L phải trả là 7.913.400đ. Như vậy, ông H, bà L phải trả cho ông T – chủ DNTN T tiền nợ gốc là 48.400.000đ, nợ lãi là 7.913.400đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 56.313.400đ.

[6] Về án phí Dân sự sơ thẩm (DSST):

- Do ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị L bị buộc trả tổng số tiền là 56.313.400đ nên phải nộp án phí DSST là 2.815.700đ.

- Yêu cầu khởi kiện của ông Trương Út T - chủ DNTN T được chấp nhận nên được nhận lại án phí tạm nộp là 1.835.000đ, theo lai thu số 0001838 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trương Út T – chủ DNTN T số tiền gốc và lãi còn nợ là 56.313.400đ (Trong đó, tiền gốc là 48.400.000đ và tiền lãi 7.913.400đ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí : Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí DSST là 2.815.700đ.

- Ông Trương Út T - chủ DNTN T được nhận lại án phí tạm nộp là 1.835.000đ, theo lai thu số 0001838 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

4. Báo cho những người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án (04/01/2018). Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành án Dân sự huyện K ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh